

TTĐT(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2026/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 19.5.2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và
Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 75/TTr-BKHCN ngày 29 tháng 4 năm 2026;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

Điều 2. Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội, các văn bản chỉ đạo từ các cấp có thẩm quyền, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan có liên quan rà soát, đánh giá định kỳ, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành, cập nhật Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

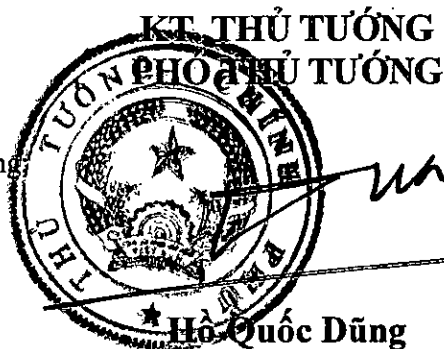
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 và thay thế Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

Tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc văn bản công nhận đối với công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao theo Danh mục ban hành tại Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục áp dụng các Danh mục này đến khi hết thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận hoặc văn bản công nhận đã cấp.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). 66





Phụ lục I

DANH MỤC CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Kèm theo Quyết định số 23/2026/QĐ-TTg

ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Công nghệ trí tuệ nhân tạo.
2. Công nghệ dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu.
3. Công nghệ tính toán đám mây, tính toán biên, tính toán phân tán và tính toán hiệu năng cao.
4. Công nghệ Internet vạn vật (IoT).
5. Công nghệ chuỗi khối (Blockchain).
6. Công nghệ lượng tử.
7. Công nghệ hạ tầng số thế hệ sau (5G, 5G-A, 6G, NG-PON, SDN/NFV, SD-RAN, SD-WAN, LPWAN, IO-Link wireless, mạng truyền tải quang thế hệ mới và mạng phi mặt đất Non-Terrestrial Networks - NTN).
8. Công nghệ thiết kế, chế tạo, tích hợp thiết bị, phần mềm, nền tảng, giải pháp số phục vụ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.
9. Công nghệ bản sao số (Digital Twin); thực tại mở rộng (Extended Reality – XR); mô hình thông tin công trình (Building Information Model-BIM).
10. Công nghệ địa tin học (Geoinformatics).
11. Công nghệ an ninh mạng và bảo mật thông tin tiên tiến.
12. Công nghệ tương tác người - máy thông minh trong công nghiệp, giao thông, y tế và đào tạo.
13. Công nghệ thu thập, xử lý, khai thác dữ liệu viễn thông, viễn thám.
14. Công nghệ thiết kế, chế tạo, đóng gói, kiểm thử linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp, mạch điện tử linh hoạt, chip bán dẫn, vật liệu bán dẫn.
15. Công nghệ phát triển hệ điều hành cho máy tính nhúng, thiết bị di động thế hệ mới.
16. Công nghệ thiết kế, chế tạo màn hình độ phân giải cao, màn hình thông minh.
17. Công nghệ thiết kế, chế tạo anten thông minh, anten mạng pha các dải băng tần.
18. Công nghệ sản xuất linh hoạt (FMS), sản xuất tích hợp (CIM), sản xuất thông minh (IMS).

19. Công nghệ thiết kế, chế tạo, tích hợp robot tiên tiến; thiết bị, phương tiện tự hành.
20. Công nghệ thiết kế, chế tạo máy công cụ điều khiển số (CNC) thế hệ mới.
21. Công nghệ in 3D/bồi đắp vật liệu.
22. Công nghệ gia công chính xác phi truyền thống (Non-traditional Manufacturing- NTM).
23. Công nghệ gia công áp lực tiên tiến tạo phôi cho các sản phẩm cơ khí.
24. Công nghệ hàn và xử lý bề mặt trong môi trường đặc biệt.
25. Công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị điều khiển, thiết bị biến đổi điện tử công suất hiệu năng cao, hệ truyền động tiên tiến.
26. Công nghệ giám sát, quản lý, điều khiển, định vị và dẫn đường, cảm biến và nhận thức môi trường cho robot, thiết bị và phương tiện tự hành.
27. Công nghệ chẩn đoán tình trạng hoạt động của các dây chuyền, máy móc trong công nghiệp.
28. Công nghệ thiết kế, chế tạo khuôn mẫu tiên tiến (Advanced moulds).
29. Công nghệ thiết kế, chế tạo máy nông nghiệp tiên tiến phục vụ nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.
30. Công nghệ thiết kế, chế tạo hệ thống, thiết bị giáo dục và đào tạo thông minh cho STEAM.
31. Công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị và dụng cụ đo lường tiên tiến.
32. Công nghệ thiết kế, chế tạo hệ thống vi cơ điện tử (MEMS), hệ thống nano cơ điện tử (NEMS).
33. Công nghệ vũ trụ, vệ tinh, chùm vệ tinh nhỏ tầm thấp; công nghệ đo xa, bám sát và điều khiển vệ tinh; công nghệ đẩy cho vệ tinh nhỏ.
34. Công nghệ thiết kế, chế tạo phương tiện bay không người lái.
35. Công nghệ thiết kế, chế tạo phương tiện, ray, ghi, hệ thống cấp điện và phụ kiện chuyên dụng cho đường sắt tốc độ cao; thông tin liên lạc và điều khiển tín hiệu đường sắt.
36. Công nghệ năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; lưu trữ năng lượng tiên tiến.
37. Công nghệ lưới điện thông minh, truyền tải điện một chiều cao áp.
38. Công nghệ hệ thống động lực sử dụng năng lượng mới cho phương tiện giao thông.

39. Công nghệ đo lường phát thải, thu thập, lưu trữ và sử dụng các bon.
40. Công nghệ tiên tiến đánh giá trữ lượng khoáng sản chiến lược.
41. Công nghệ xử lý, tái chế rác thải rắn trong lĩnh vực điện, điện tử; xử lý chất thải phóng xạ; công nghệ xử lý, tái chế polyme.
42. Công nghệ quan trắc, dự báo và cảnh báo sớm thiên tai tích hợp AI theo thời gian thực.
43. Công nghệ thiết kế, chế tạo giàn khoan tự nâng, giàn khoan nửa nổi nửa chìm; khoan và thăm dò thế hệ mới trong lĩnh vực dầu khí.
44. Công nghệ phân tách và tinh chế đất hiếm độ sạch cao và vật liệu từ đất hiếm.
45. Công nghệ thiết kế, chế tạo máy điện hiệu năng cao: máy biến áp 500 kV trở lên, máy biến áp GIS (Gas Insulated Substation), máy biến áp kỹ thuật số.
46. Công nghệ thiết kế, chế tạo các thành phần cơ khí cho tuabin gió ngoài khơi: cánh, trục chính, bánh răng hộp số, vòng bi cỡ lớn; lắp đặt và vận hành ngoài khơi.
47. Công nghệ thiết kế, chế tạo cảm biến tiên tiến cho hệ thống quan trắc ô nhiễm môi trường tự động.
48. Công nghệ OMICS (Genomics, transcriptomics, proteomics, metabolomics, metagenomics).
49. Công nghệ sinh học tổng hợp (Synthetic biology), sinh học phân tử (Molecular biology).
50. Công nghệ tin sinh học.
51. Công nghệ vi sinh thế hệ mới.
52. Công nghệ mô, phôi, tế bào trong y - dược và nông nghiệp.
53. Công nghệ chỉnh sửa gen, chỉ thị phân tử trong y học và chọn, tạo giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản.
54. Công nghệ phân tích và chẩn đoán phân tử (Molecular analysis and diagnosis).
55. Công nghệ thiết kế, chế tạo hệ thống, thiết bị thông minh hỗ trợ chẩn đoán, theo dõi, điều trị và chăm sóc sức khỏe con người.
56. Công nghệ canh tác tiên tiến, bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu.
57. Công nghệ bào chế, sản xuất thuốc tiên tiến hiện đại.
58. Công nghệ thiết kế, chế tạo mô hình mô phỏng các loại tạng (Organoid), khối u phục vụ cho thử nghiệm thuốc và nghiên cứu y sinh.

59. Công nghệ sản xuất vắc xin thế hệ mới cho người và vật nuôi; chế phẩm sinh học trong y tế, nông nghiệp và môi trường.
60. Công nghệ sản xuất protein tái tổ hợp, enzyme và kháng thể đơn dòng trong y tế và nông nghiệp.
61. Công nghệ tách chiết, tinh chế và bào chế hoạt chất tự nhiên tinh khiết quy mô công nghiệp.
62. Công nghệ sản xuất chế phẩm nano và thuốc bảo vệ thực vật nano trong nông nghiệp.
63. Công nghệ sản xuất thiết bị phục hồi chức năng thần kinh (Neurotechnologies).
64. Công nghệ sản xuất vật liệu kháng khuẩn, kháng virus sử dụng trong y tế.
65. Công nghệ vật liệu tiên tiến.
66. Công nghệ lắng đọng vật lý từ pha hơi (PVD) và lắng đọng hóa học từ pha hơi (CVD).
67. Công nghệ quang tử, hệ thống quang học tiên tiến.
68. Công nghệ hạt nhân, bức xạ trong y tế, công nghiệp, nông nghiệp, tài nguyên và môi trường.
69. Công nghệ microwave, plasma trong y tế, xử lý môi trường và sản xuất thực phẩm.
70. Công nghệ thủy âm phục vụ phát triển kinh tế biển.



Phụ lục II

DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN

*(Theo Quyết định số 23/2026/QĐ-TTg
ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

1. Hệ thống, thiết bị, phần mềm nhận dạng, phân tích, dự báo, điều khiển dựa trên trí tuệ nhân tạo và dữ liệu.
2. Nền tảng hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI; hệ thống phòng thí nghiệm ảo và mô phỏng số tích hợp AI.
3. Thiết bị, phần mềm, giải pháp, dịch vụ tích hợp hệ thống, tính toán đám mây, tính toán biên, tính toán phân tán và tính toán hiệu năng cao.
4. Thiết bị, phần mềm, giải pháp, dịch vụ công nghệ dựa trên nền tảng chuỗi khối (Blockchain).
5. Phần mềm cá nhân hóa lộ trình học tập dựa trên dữ liệu lớn.
6. Thiết bị, mô-đun, phần mềm mạng thế hệ sau (5G, 5G-A, 6G, NG-PON, SDN/NFV, SD-RAN, SD-WAN, LPWAN, IO-Link wireless, mạng truyền tải quang thế hệ mới và mạng phi mặt đất Non-Terrestrial Networks - NTN).
7. Thiết bị đầu cuối thông minh cho các mạng thế hệ sau.
8. Anten thông minh, anten mạng pha các dải băng tần.
9. Nền tảng xử lý, phân tích và cung cấp sản phẩm, dịch vụ dữ liệu viễn thông, viễn thám; hệ thống phân tích hình ảnh vệ tinh.
10. Thiết bị, phần mềm, nền tảng, giải pháp số phục vụ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.
11. Hệ thống bản sao số cho: đô thị; hạ tầng giao thông, năng lượng; hạ tầng số; khu công nghiệp, nhà máy và thiết bị thông minh.
12. Thiết bị, phần mềm, giải pháp, dịch vụ thực tại mở rộng.
13. Thiết bị, phần mềm, nền tảng, giải pháp và dịch vụ IoT.
14. Mô hình thông tin công trình (Building Information Model-BIM).
15. Hệ thống thông tin địa lý (GIS) cho quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, dự báo thiên tai và giám sát môi trường.
16. Hệ thống, thiết bị, phần mềm, giải pháp, dịch vụ đảm bảo an ninh mạng và bảo mật thông tin tiên tiến.
17. Phần mềm, thiết bị của nền tảng an ninh mạng thông minh thế hệ mới.
18. Hệ thống định danh điện tử phi tập trung cấp quốc gia.

19. Phần mềm thiết kế và kiểm thử tự động; linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp, vi mạch tích hợp đa chức năng, mạch điện tử linh hoạt, chip bán dẫn, vật liệu bán dẫn.
20. Màn hình độ phân giải cao, màn hình thông minh.
21. Dây chuyền sản xuất linh hoạt (FMS), sản xuất tích hợp (CIM) và sản xuất thông minh (IMS).
22. Máy công cụ điều khiển số (CNC) thế hệ mới.
23. Thiết bị, sản phẩm, giải pháp in 3D/bồi đắp vật liệu.
24. Thiết bị gia công chính xác phi truyền thống (Non-traditional Manufacturing- NTM).
25. Dây chuyền và thiết bị gia công áp lực tiên tiến để tạo phôi cho các sản phẩm cơ khí.
26. Thiết bị, giải pháp hàn và xử lý bề mặt trong môi trường đặc biệt.
27. Khuôn mẫu tiên tiến (Advanced moulds) có tính năng kỹ thuật, độ chính xác và chất lượng cao.
28. Hệ thống thiết bị tiên tiến chế biến và bảo quản thực phẩm.
29. Máy nông nghiệp tiên tiến phục vụ nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.
30. Robot cộng tác, robot phẫu thuật, thiết bị đeo hỗ trợ lao động; phương tiện tự hành, thiết bị tự hành có cánh tay thao tác; robot hình người tích hợp AI.
31. Robot di động tự hành; phần mềm, hệ thống giám sát, quản lý, điều khiển, định vị và dẫn đường, cảm biến và nhận thức môi trường cho robot di động tự hành.
32. Hệ thống tương tác người - máy thông minh dựa trên giọng nói, cử chỉ.
33. Phần mềm, phương pháp, hệ thống mô phỏng và tương tác người - máy thông minh trong công nghiệp, giao thông, y tế và đào tạo.
34. Thiết bị điều khiển, thiết bị biến đổi điện tử công suất hiệu năng cao, các hệ truyền động tiên tiến.
35. Thiết bị đo theo nguyên lý không tiếp xúc, không phá hủy và tán xạ ánh sáng.
36. Hệ thống vi cơ điện tử (MEMS), hệ thống nano cơ điện tử (NEMS).
37. Thiết bị LiDAR, thiết bị đo theo nguyên lý quán tính (INS), la bàn điện tử độ chính xác cao.
38. Hệ thống, thiết bị, giải pháp tiên tiến chẩn đoán tình trạng hoạt động của các dây chuyền, máy móc trong công nghiệp.

39. Hệ thống, thiết bị giáo dục và đào tạo thông minh cho STEAM.
40. Vệ tinh, chùm vệ tinh nhỏ, thiết bị và trạm mặt đất, trạm thu phát đầu cuối của vệ tinh; động cơ đẩy cho vệ tinh nhỏ.
41. Phương tiện bay không người lái, phương tiện bay không người lái bầy đàn, phương tiện bay không người lái tự hành.
42. Phần mềm, hệ thống giám sát, quản lý, điều khiển, định vị và dẫn đường, cảm biến và nhận thức môi trường cho phương tiện bay không người lái, phương tiện bay không người lái bầy đàn, phương tiện bay không người lái tự hành.
43. Thiết bị thăm dò đại dương và đáy biển sâu tự hành; phần mềm, hệ thống giám sát, quản lý, điều khiển, định vị và dẫn đường, cảm biến và nhận thức môi trường cho thiết bị thăm dò đại dương và đáy biển sâu tự hành.
44. Phương tiện, ray, ghi, vật liệu chuyên dụng, hệ thống cấp điện và phụ kiện chuyên dụng cho đường sắt tốc độ cao.
45. Hệ thống điều khiển tín hiệu đường sắt (điều khiển tàu, bảo vệ, giám sát và vận hành tàu tự động, liên khóa điện tử, phát hiện tàu, chướng ngại vật).
46. Hệ thống cung cấp điện, thiết bị bảo vệ hệ thống cung cấp điện đường sắt.
47. Hệ thống thông tin vô tuyến 5G/FRMCS cho đường sắt.
48. Hệ thống cấp nguồn động lực sức kéo điện áp 1500VDC, 3000VDC, 25KVAC.
49. Phương tiện giao thông sử dụng năng lượng mới, thân thiện môi trường.
50. Hệ thống phát điện từ năng lượng tái tạo và lưu trữ năng lượng tiên tiến; Hệ thống lưu trữ năng lượng quy mô lưới điện (BESS).
51. Hệ thống sản xuất, lưu trữ, vận chuyển và phân phối hydrogen; nhiên liệu sinh học.
52. Tấm pin quang điện hiệu suất cao.
53. Pin lithium hiệu năng cao, pin dòng chảy, pin không lithium, pin nhiên liệu hydrogen, hệ thống phát điện sử dụng hydrogen, bộ lưu trữ năng lượng dùng siêu tụ điện.
54. Cánh tuabin gió composite sợi carbon/thủy tinh cho tua bin cỡ lớn; hộp số và bánh răng tuabin gió cỡ lớn độ chính xác cao; hệ thống ổ đỡ cỡ lớn chuyên dụng cho điện gió.
55. Thiết bị bảo vệ số, thiết bị đảm bảo chất lượng điện năng trong hệ thống điện.
56. Thiết bị thu hồi nhiệt dư công nghiệp chuyển đổi điện năng hiệu suất cao.

57. Thiết bị đo lường phát thải, thu thập, lưu trữ và sử dụng các bon.
58. Hệ thống, thiết bị, giải pháp xử lý rác thải rắn trong lĩnh vực điện, điện tử; xử lý chất thải phóng xạ; xử lý, tái chế polyme.
59. Hệ thống, thiết bị, giải pháp quan trắc, dự báo và cảnh báo sớm thiên tai tích hợp AI theo thời gian thực.
60. Giàn khoan tự nâng, giàn khoan nửa nổi nửa chìm cho ngành dầu khí.
61. Hệ thống, thiết bị, giải pháp khoan và thăm dò thế hệ mới trong lĩnh vực dầu khí.
62. Hệ thống tinh chế quặng đất hiếm đạt độ sạch công nghiệp.
63. Hệ thống, thiết bị, giải pháp đánh giá trữ lượng khoáng sản chiến lược.
64. Vật liệu siêu dẻo, siêu bền, siêu nhẹ có nguồn gốc sinh học, thân thiện với môi trường hoặc sử dụng trong môi trường khắc nghiệt.
65. Vật liệu polyme tiên tiến và composite nền cao phân tử chất lượng cao sử dụng trong môi trường khắc nghiệt, bền với khí hậu nhiệt đới; sợi tính năng cao, sợi thủy tinh đặc biệt, sợi các bon.
66. Màng mỏng bằng công nghệ lắng đọng vật lý từ pha hơi (PVD) và lắng đọng hóa học từ pha hơi (CVD); màng mỏng bóng bán dẫn (Thin-film transistors).
67. Kim loại tinh khiết, hợp kim đặc biệt có độ bền cao; vật liệu có độ tinh khiết cao được sản xuất ở quy mô công nghiệp; vật liệu thép, hợp kim nhôm, composite phục vụ phương tiện và hạ tầng đường sắt.
68. Vật liệu tự phục hồi (Self healing materials); vật liệu tàng hình; vật liệu nano cao cấp, màng phủ nano.
69. Vật liệu in 3D tiên tiến, thân thiện với môi trường.
70. Nam châm vĩnh cửu từ đất hiếm hiệu năng cao cho động cơ điện; vật liệu từ tính tiên tiến.
71. Vật liệu chế tạo linh kiện vi cơ điện tử và cảm biến thông minh; vật liệu bán dẫn, quang điện tử và quang tử.
72. Vật liệu gốm, sứ kỹ thuật tiên tiến (advanced ceramics) cho linh kiện điện tử, bán dẫn và các chi tiết chịu nhiệt, chịu mài mòn trong công nghiệp chế tạo máy.
73. Vật liệu xây dựng mới, vật liệu bền vững, vật liệu xanh.
74. Linh kiện, module quang tử phục vụ truyền thông, cảm biến và y sinh.
75. Kính, camera kỹ thuật số chuyên dụng, mô-đun camera thế hệ mới.
76. Thiết bị tạo tia laser công suất lớn (trừ diode laser).

77. Thiết bị y tế, nông nghiệp, công nghiệp, tài nguyên và môi trường sử dụng công nghệ hạt nhân, bức xạ.
78. Thiết bị microwave, plasma trong y tế, xử lý môi trường và sản xuất thực phẩm.
79. Hệ thống, thiết bị radar xuyên đất.
80. Hệ thống, phần mềm, nền tảng lưu trữ, xử lý, phân tích dữ liệu tin sinh học.
81. Các liệu pháp gen và bộ chỉ thị phân tử ứng dụng trong y học.
82. Bộ sinh phẩm, giải pháp, cơ sở dữ liệu phân tích và chẩn đoán ứng dụng trong y - dược và nông nghiệp.
83. Cảm biến sinh học (Biosensors) độ nhạy cao dùng trong y tế, nông nghiệp và môi trường.
84. Tế bào, sản phẩm có nguồn gốc từ tế bào phục vụ y học; sản phẩm chất lượng cao được tạo ra với quy mô công nghiệp từ nhân, nuôi mô tế bào.
85. Thuốc đông khô, thuốc đa thành phần giải phóng có kiểm soát, thuốc ứng dụng lidose, thuốc tác dụng tại đích.
86. Thuốc sinh học ứng dụng trong y - dược và nông nghiệp.
87. Vắc xin, sinh phẩm y tế, sinh phẩm chẩn đoán thế hệ mới.
88. Hoạt chất tự nhiên tinh khiết ứng dụng trong y - dược và thực phẩm.
89. Thiết bị tiên tiến phục vụ chẩn đoán theo dõi, điều trị và chăm sóc sức khỏe con người.
90. Thiết bị giao diện não - máy tính (BCI) hỗ trợ phục hồi chức năng.
91. Thiết bị, vật liệu kháng khuẩn, kháng virus sử dụng trong y tế.
92. Kháng thể đơn dòng, protein, enzyme tái tổ hợp.
93. Giải pháp địa không gian ứng dụng trong nông nghiệp chính xác, nông nghiệp thông minh, quản lý đất đai và tài nguyên.
94. Hệ thống, thiết bị, giải pháp tự động hóa và giám sát canh tác không đất quy mô công nghiệp.
95. Nhà trồng thông minh tích hợp công nghệ số.
96. Thiết bị, hệ thống nuôi cấy và sản xuất mô tế bào, cây giống.
97. Dòng/giống, cây trồng, vật nuôi, thủy sản có tiềm năng, năng suất chất lượng cao, chống chịu các điều kiện bất lợi sinh học và phi sinh học.
98. Chế phẩm sinh học tiên tiến.
99. Chế phẩm nano và thuốc bảo vệ thực vật nano sử dụng trong nông nghiệp.
100. Chủng vi sinh, chế phẩm vi sinh phục vụ y tế, nông nghiệp và môi trường.